

Số: /KH-TTYT

Bắc Sơn, ngày tháng 6 năm 2024

**KẾ HOẠCH**  
**Hướng dẫn thực hành để cấp giấy phép**  
**hành nghề khám bệnh, chữa bệnh**

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP, ngày 30/12/2023 của Chính Phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính Phủ về Quy định tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT, ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

Trung tâm Y tế huyện Bắc Sơn xây dựng Kế hoạch hướng dẫn thực hành để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

- Đào tạo thực hành, cập nhật nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn đáp ứng yêu cầu theo vị trí việc làm, xác nhận thời gian thực hành để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

- Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng thực hành, đủ điều kiện để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh phù hợp với yêu cầu theo vị trí việc làm, góp phần nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh, đáp ứng được nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của nhân dân.

**2. Yêu cầu**

- Người thực hành được thực hiện các kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh trực tiếp trên người bệnh, thực hành kê đơn thuốc dưới sự giám sát của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành phải tuyệt đối tuân thủ theo hướng dẫn của người hướng dẫn thực hành.

- Người thực hành phải đảm bảo hoàn thành đầy đủ các nội dung thực hành và đảm bảo đủ thời gian thực hành và đầy đủ chuyên khoa theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định 93/2023/NĐ-CP.

- Trung tâm Y tế huyện Bắc Sơn có trách nhiệm phân công người hướng dẫn thực hành phải đảm bảo phù hợp về chuyên môn, năng lực của người được hướng dẫn thực hành (người hướng dẫn thực hành đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP).

**II. ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN ÁP DỤNG.**

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành: Bác sĩ Bác sĩ y khoa, y sĩ y khoa, y sĩ y học cổ truyền, Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật Y ( kỹ thuật y xét nghiệm, kỹ thuật hình ảnh y học)

2. Thời gian áp dụng sau khi nộp bản tự công bố và được công khai trên website Sở Y tế Lạng Sơn và Trung tâm Y tế huyện Bắc Sơn.

### **III. HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VÀ NỘI DUNG ĐÀO TẠO THỰC HÀNH.**

1. Hình thức đào tạo thực hành Hướng dẫn thực hành lâm sàng tại các khoa lâm sàng, cận lâm sàng, thực hiện các kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh trực tiếp trên người bệnh, thực hành kê đơn thuốc dưới sự giám sát của người hướng dẫn thực hành.

2. Chương trình, nội dung đào tạo thực hành nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh trên cơ sở chuẩn năng lực của bác sỹ đa khoa đã được Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành tại Quyết định số 1854/QĐ-BYT, ngày 18/5/2015 ; Các kiến thức, kỹ năng đã được đào tạo tại trường chuyên ngành y và dựa trên phạm vi hành nghề của người hành nghề tại Điều 11 Thông tư số 32/2023/TT-BYT.

3. Ngoài thực hành các kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh người thực hành được tham gia các buổi tập huấn sau (*thời lượng giảng dạy mỗi nội dung 2-4 tiết*):

- Quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.
- Quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp.
- An toàn người bệnh.
- Kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh;
- Kiểm soát nhiễm khuẩn.

### **IV. THỜI GIAN THỰC HÀNH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH.**

1. Đối với người có văn bằng: Bác sỹ Y khoa, Y sỹ (Y sỹ đa khoa, Y sỹ Y học cổ truyền), Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật Y (Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học) thực hành như sau:

*( Có biểu phụ lục chi tiết gửi kèm theo)*

- Đối với người có văn bằng chuyên khoa nhưng không nộp hồ sơ đề nghị tham gia kiểm tra đánh giá năng lực và không nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp thì phải thực hành lại về chuyên khoa đó 12 tháng. Trong quá trình thực hành kỹ thuật chuyên môn, người thực hành được tập huấn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh với tổng thời lượng là 20 buổi (*Mỗi buổi 4 tiết*).

Thời gian tập huấn này được tính vào tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh.

Lưu ý: Trong quá trình thực hành vì lý do sức khỏe hoặc trường hợp bất khả kháng, người thực hành được tạm dừng thực hành trong thời gian tối đa không quá 12 tháng và được bảo lưu các kết quả thực hành trước đó.

Việc bảo lưu kết quả thực hiện theo khoản 2 Điều 4 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP.

2. Số lượng người hướng dẫn và số lượng người thực hành có thể tiếp nhận

- Số lượng người hướng dẫn ( Kèm theo phụ lục)

- Số lượng Người thực hành có thể tiếp nhận: 57 ( Phụ lục gửi kèm theo)

3. Địa điểm thực hành tại các khoa tham gia đào tạo thực hành khám bệnh, chữa bệnh trong Trung tâm Y tế huyện Bắc Sơn.

## V. QUY TRÌNH THỰC HIỆN

- **Bước 1:** Người thực hành phải có đơn đề nghị thực hành theo mẫu 03 phụ lục I Nghị định 96/2023 /ND-CP và bản sao công chứng một trong các văn bằng chuyên môn quy định tại Điều 8 Nghị định 96/2023/NĐ-CP.

- **Bước 2:** Sau khi nhận đơn đề nghị thực hành, nếu đồng ý tiếp nhận thì người đứng đầu hoặc người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh là cơ sở hướng dẫn thực hành có trách nhiệm:

+ Ký hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh với người thực hành theo Mẫu 04 phụ lục I Nghị định 96/2023/NĐ-CP.

+ Đăng tải danh sách người thực hành trên trang thông tin điện tử của đơn vị và trên hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.

- **Bước 3:** Trình lãnh đạo phân công ra quyết định phân công người hướng dẫn thực hành theo mẫu 06 phụ lục I Nghị định 96/2023/NĐ-CP. Người hướng dẫn thực hành chỉ được hướng dẫn tối đa 05 người thực hành trong cùng một thời điểm.

- **Bước 4:** Thực hành tại các khoa Người thực hành có trách nhiệm tuân thủ sự phân công, hướng dẫn của người hướng dẫn thực hành và phải tôn trọng các quyền và nghĩa vụ của người bệnh. Người hướng dẫn thực hành có trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành và chịu trách nhiệm nếu người thực hành gây sai sót chuyên môn trong quá trình thực hành, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người bệnh, trừ trường hợp người thực hành cố ý vi phạm.

- **Bước 5:** Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành, cơ sở hướng dẫn thực hành có trách nhiệm:

+ Cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo mẫu 07 phụ lục I Nghị định 96/2023/NĐ-CP.

+ Đăng tải danh sách người đã hoàn thành quá trình thực hành trên trang thông tin điện tử của cơ sở hướng dẫn thực hành và trên hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.

## VI. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

### **1. Phòng tổ chức hành chính.**

- Nhận đơn đề nghị thực hành, tiếp nhận hồ sơ.
- Soạn Hợp đồng thực hành và soạn Quyết định phân công người hướng dẫn thực hành.
- Quản lý hồ sơ theo quy định.
- Tổng hợp danh sách học viên và người tham gia hướng dẫn thực hành.
- Gửi văn bản đăng ký danh sách người thực hành khám bệnh, chữa bệnh theo Mẫu 05 Phụ lục I Nghị định số 96/2023/NĐ-CP về Sở Y tế, trong đó phải nêu rõ thời gian bắt đầu thực hành và dự kiến thời gian kết thúc thực hành.
- Trình Giám đốc cấp giấy xác nhận cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I Nghị định số 96/2023/NĐ-CP.

### **2. Phòng Kế hoạch Nghiệp vụ:**

Đăng tải danh sách người thực hành khám bệnh, chữa bệnh và danh sách người đã hoàn thành quá trình thực hành trên công thông tin của Sở Y tế.

### **3. Phòng Tài chính kế toán:**

Thực hiện thu kinh phí đào tạo học viên. Việc hạch toán, thu chi, quyết toán phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

### **4. Các khoa, phòng liên quan**

- Tuân thủ sự phân công về hướng dẫn thực hành của Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Bắc Sơn.
- Tiếp nhận, quản lý, hướng dẫn thực hành cho học viên theo quy định.
- Nhận xét kết quả thực hành và chịu trách nhiệm về nội dung nhận xét.
- Chịu trách nhiệm nếu người thực hành gây sai sót chuyên môn trong quá trình thực hành, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người bệnh, trừ trường hợp người thực hành cố ý vi phạm

Trên đây là Kế hoạch hướng dẫn thực hành để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh của Trung tâm Y tế huyện Bắc Sơn.

Đề nghị các khoa/ phòng và các cá nhân liên quan nghiêm túc thực hiện./.

#### **Nơi nhận:**

- Sở Y tế Lạng Sơn (b/c);
- LĐTT (c/đ);
- Các khoa, phòng (t/h);
- TYT các xã, thị trấn, PKĐKKV (p/h);
- Lưu: VT, KHNV.

**PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH**

**Đặng Minh Kim**

**Phụ lục 01**

**DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH**

( Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-TTYT, ngày /6/2024 của Trung tâm Y tế huyện Bắc Sơn)

| STT | Họ và tên        | Văn bằng chuyên môn | Số CCHN khám bệnh, chữa bệnh | Phạm vi hành nghề ghi trên CCHN   | Số năm hành nghề KCB | Nội dung thực hành  | Tên khoa thực hành <sup>(1)</sup>                     |
|-----|------------------|---------------------|------------------------------|---|----------------------|---|---|
| 1   | Đặng Minh Kim    | CKII Ngoại          | 001591/LS-CCHN               | Thực hiện khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Khám chữa bệnh hệ Ngoại sản   | 11 năm               | Thực hành KBCB đa khoa, KBCB Hệ Ngoại sản                     | Khoa Ngoại- Khoa CSSKSS-PS                            |
| 2   | Dương Công Doanh | CKI Nội             | 001592/LS-CCHN               | Thực hiện khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, Khám chữa bệnh bằng Y học cổ truyền và Nội khoa   | 11 năm               | Thực hành KBCB đa khoa, KBCB bằng Y học cổ truyền và Nội khoa | Khoa Y học cổ truyền phục hồi chức năng- Nội khoa     |
| 3   | Hoàng Thị Quỳnh  | CKI Mắt             | 000364/LS-CCNH               | Thực hiện khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Gây mê hồi sức,   | 08 năm               | Thực hành KBCB đa khoa; Gây mê hồi sức.                       | Khoa Ngoại  |
| 4   | Sâm Thị Hằng     | Cử nhân Điều dưỡng  | 002872/LS-CCHN               | Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế Điều dưỡng        | 10 năm               | Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng                             | Khoa Ngoại- Khoa Cấp cứu- Hồi sức tích cực- Chống độc |
| 5   | Hà Thị Lưu       | Cử nhân Điều dưỡng  | 003250/LS-CCHN               | Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế Điều dưỡng | 06 năm               | Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng                             | Khoa Nội  |

| STT | Họ và tên          | Văn bằng chuyên môn | Số CCHN khám bệnh, chữa bệnh | Phạm vi hành nghề ghi trên CCHN  | Số năm hành nghề KCB | Nội dung thực hành                        | Tên khoa thực hành <sup>(1)</sup>                     |
|-----|--------------------|---------------------|------------------------------|--|----------------------|---|---|
| 6   | Dương Trường Kỳ    | CKI Ngoại           | 001573/LS-CCHN               | Thực hiện khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, Khám chữa bệnh hệ Ngoại sản  | 11 năm               | Thực hành KBCB đa khoa, KBCB Hệ Ngoại sản | Khoa Ngoại  |
| 7   | Hoàng Thị Điềm     | Cử nhân Điều dưỡng  | 004163/LS-CCHN               | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV, ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | 03 năm               | Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng         | Khoa Ngoại  |
| 8   | Nghiêm Trường Minh | Bác sỹ đa khoa      | 004242/LS-CCHN               | Thực hiện khám bệnh, chữa bệnh đa khoa   | 03 năm               | Thực hành KBCB đa khoa                    | Khoa Ngoại  |
| 9   | Vi Minh Sự         | CKI Gây mê hồi sức  | 000352/LS-CCHN               | Thực hiện khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Gây mê hồi sức   | 08 năm               | Thực hành KBCB đa khoa, Gây mê hồi sức    | Khoa Ngoại, Khoa Cấp cứu- Hồi sức tích cực- chống độc |
| 10  | Vy Thị Hiền        | Bác sỹ Y khoa       | 004078/LS-CCHN               | Thực hiện khám bệnh, chữa bệnh đa khoa   | 04 năm               | Thực hành KBCB đa khoa                    | Khoa Cấp cứu- Hồi sức tích cực- chống độc             |
| 11  | Lương Mạnh Hải     | CKI Nội             | 003190/LS-CCHN               | Thực hiện khám bệnh, chữa bệnh đa khoa   | 08 năm               | Thực hành KBCB đa khoa                    | Khoa Cấp cứu- Hồi sức tích cực- chống độc             |
| 12  | Dương Thị Nhu      | Bác sỹ Y khoa       | 004237/LS-CCHN               | Thực hiện khám bệnh, chữa bệnh đa khoa   | 03 năm               | Thực hành KBCB đa khoa                    | Khoa Cấp cứu- Hồi sức tích cực- chống độc             |

| STT | Họ và tên         | Văn bằng chuyên môn | Số CCHN khám bệnh, chữa bệnh | Phạm vi hành nghề ghi trên CCHN  | Số năm hành nghề KCB | Nội dung thực hành                | Tên khoa thực hành <sup>(1)</sup>         |
|-----|-------------------|---------------------|------------------------------|--|----------------------|-----------------------------------|---|
| 13  | Hoàng Thị Cảnh    | Cao đẳng điều dưỡng | 000502/LS-CCHN               | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV, ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | 08 năm               | Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng | Khoa Cấp cứu- Hồi sức tích cực- chống độc |
| 14  | Triệu Văn Nguyên  | Cử nhân Điều dưỡng  | 000690/LS-CCHN               | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV, ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | 07 năm               | Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng | Khoa Cấp cứu- Hồi sức tích cực- chống độc |
| 15  | Hoàng Đình Trường | Cao đẳng điều dưỡng | 004238/LS-CCHN               | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV, ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | 03 năm               | Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng | Khoa Cấp cứu- Hồi sức tích cực- chống độc |
| 16  | Lô Thị Minh Châu  | CKI Sản             | 001565/LS-CCHN               | Thực hiện khám bệnh, chữa bệnh hệ Ngoại sản  | 11 năm               | Thực hành KBCB hệ ngoại sản       | Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản- Phụ sản  |
| 17  | Nguyễn Văn Cường  | CKI Sản             | 002628/LS-CCHN               | Thực hiện khám bệnh, chữa bệnh đa khoa   | 08 năm               | Thực hành KBCB đa khoa            | Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản- Phụ sản  |

| STT | Họ và tên            | Văn bằng chuyên môn                     | Số CCHN khám bệnh, chữa bệnh | Phạm vi hành nghề ghi trên CCHN  | Số năm hành nghề KCB | Nội dung thực hành                | Tên khoa thực hành <sup>(1)</sup>                    |
|-----|----------------------|---|------------------------------|--|----------------------|-----------------------------------|--|
| 18  | Hoàng Thị Phượng     | Cử nhân điều dưỡng chuyên ngành Phụ sản | 001611/LS-CCHN               | Theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BYT, ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh   | 11 năm               | Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng | Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản- Phụ sản             |
| 19  | Dương Thị Nga        | Cao đẳng hộ sinh                        | 000697/LS-CCHN               | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV, ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | 07 năm               | Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng | Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản- Phụ sản             |
| 20  | Lương Thị Diệu Hương | Cao đẳng hộ sinh                        | 003453/LS-CCHN               | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV, ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | 05 năm               | Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng | Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản- Phụ sản             |
| 21  | Đỗ Đức Long          | CKI Tai Mũi Họng                        | 003692/LS-CCHN               | Thực hiện khám bệnh, chữa bệnh đa khoa   | 04 năm               | Thực hành KBCB đa khoa            | Khoa Răng hàm mặt- Mắt- Tai Mũi họng                 |
| 22  | Dương Hồng Liên      | Cao đẳng điều dưỡng                     | 002880/LS-CCHN               | Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế Điều dưỡng                              | 10 năm               | Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng | Khoa Răng hàm mặt- Mắt- Tai Mũi họng                 |
| 23  | Dương Thị Diệu Thúy  | CKI Tai Mũi Họng                        | 000601/LS-CCHN               | Thực hiện khám bệnh, chữa bệnh đa khoa   | 08 năm               | Thực hành KBCB đa khoa            | Khoa Răng hàm mặt- Mắt- Tai Mũi họng, Khoa Khám bệnh |



| STT | Họ và tên              | Văn bằng chuyên môn | Số CCHN khám bệnh, chữa bệnh | Phạm vi hành nghề ghi trên CCHN  | Số năm hành nghề KCB | Nội dung thực hành                               | Tên khoa thực hành <sup>(1)</sup>                           |
|-----|------------------------|---------------------|------------------------------|--|----------------------|--|---|
| 24  | Nguyễn Văn Lữ          | Bác sỹ đa khoa      | 002681/LS-CCHN               | Thực hiện khám bệnh, chữa bệnh đa khoa   | 10 năm               | Thực hành KBCB đa khoa                           | Khoa Răng hàm mặt- Mắt- Tai Mũi họng,                       |
| 25  | Dương Thị Phương Thanh | Bác sỹ đa khoa      | 003441/LS-CCHN               | Thực hiện khám bệnh, chữa bệnh đa khoa   | 10 năm               | Thực hành KBCB đa khoa                           | Khoa Khám bệnh, Khoa Nhi                                    |
| 26  | Dương Thị Hoàn         | CKI Nhi             | 001563/LS-CCHN               | Thực hiện khám bệnh, chữa bệnh hệ Nội Nhi  | 11 năm               | Thực hành KBCB hệ Nội Nhi                        | Khoa Nhi, Khoa Nội  |
| 27  | Nguyễn Thị Tâm         | Cao đẳng Điều dưỡng | 000691/LS-CCHN               | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV, ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | 07 năm               | Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng                | Khoa Nhi  |
| 28  | Vũ Thị Huyền Trang     | Cao đẳng điều dưỡng | 002874/LS-CCHN               | Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế Điều dưỡng                              | 10 năm               | Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng                | Khoa Nhi  |
| 29  | Hoàng Công Mỹ          | Bác sỹ đa khoa      | 001585/LS-CCHN               | Thực hiện khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, Khám chữa bệnh hệ Nội- Nhi   | 11 năm               | Thực hành KBCB đa khoa, KBCB Hệ Nội Nhi          | Khoa Truyền Nhiễm, Khoa Nhi , Nội                           |
| 30  | Hoàng Thị Bồi          | Bác sỹ đa khoa      | 001527/LS-CCHN               | Thực hiện khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, Khám chữa bệnh chuyên khoa Sản Phụ   | 11 năm               | Thực hành KBCB đa khoa, KBCB chuyên khoa Sản Phụ | Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản- Phụ sản, Khoa Truyền Nhiễm |

| STT | Họ và tên              | Văn bằng chuyên môn               | Số CCHN khám bệnh, chữa bệnh | Phạm vi hành nghề ghi trên CCHN  | Số năm hành nghề KCB | Nội dung thực hành                              | Tên khoa thực hành <sup>(1)</sup> |
|-----|------------------------|-----------------------------------|------------------------------|--|----------------------|---|-----------------------------------|
| 31  | Lương Hương Thủy       | Trung cấp điều dưỡng              | 004177/LS-CCHN               | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV, ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | 03 năm               | Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng               | Khoa Truyền Nhiễm                 |
| 32  | Lộc Ngọc Toàn          | Bác sỹ đa khoa                    | 000452/LS-CCHN               | Thực hiện khám bệnh, chữa bệnh đa khoa   | 08 năm               | Thực hành KBCB đa khoa                          | Khoa Khám bệnh                    |
| 33  | Nguyễn Văn Sơn         | Y sỹ YHCT                         | 002865/LS-CCHN               | Khám chữa bệnh bằng YHCT   | 10 năm               | Khám chữa bệnh bằng YHCT                        | Khoa YHCT                         |
| 34  | Hoàng Thị Chang        | Cử nhân xét nghiệm                | 002883/LS-CCHN               | Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về Xét nghiệm  | 04 năm               | Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về Xét nghiệm     | Khoa xét nghiệm                   |
| 35  | Hoàng Thị Liên         | Cử nhân xét nghiệm                | 002884/LS-CCHN               | Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về Xét nghiệm  | 04 năm               | Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về Xét nghiệm     | Khoa xét nghiệm                   |
| 36  | Hoàng Thị Tín          | Cử nhân xét nghiệm                | 002079/LS-CCHN               | Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về Xét nghiệm  | 07 năm               | Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về Xét nghiệm     | Khoa xét nghiệm                   |
| 37  | Hoàng Văn Thê          | Cử nhân xét nghiệm                | 002398/LS-CCHN               | Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về Xét nghiệm  | 04 năm               | Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về Xét nghiệm     | Khoa xét nghiệm                   |
| 38  | Dương Thời Canh<br>Ngọ | Trung cấp kỹ thuật hình ảnh Y học | 004173/LS-CCHN               | Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về Hình ảnh y học  | 03 năm               | Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về Hình ảnh y học | Khoa Chẩn đoán hình ảnh           |

| STT   | Họ và tên       | Văn bằng chuyên môn    | Số CCHN khám bệnh, chữa bệnh | Phạm vi hành nghề ghi trên CCHN  | Số năm hành nghề KCB | Nội dung thực hành  | Tên khoa thực hành <sup>(1)</sup>  |
|---|-----------------|------------------------|------------------------------|--|----------------------|---|--|
| 39  | Dương Hữu Đức   | CKI Nội                | 001659/LS-CCHN               | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, Khám bệnh chữa bệnh hệ Nội khoa và Răng hàm mắt  | 11 năm               | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, Khám bệnh chữa bệnh hệ Nội khoa và Răng hàm mắt | Khoa Nội, Khoa Chẩn đoán hình ảnh, Khoa Răng hàm mắt- Mắt- Tai mũi họng. |
| 40  | Hoàng Minh Thức | CKI Chẩn đoán hình ảnh | 003362/LS-CCHN               | Thực hiện khám bệnh, chữa bệnh đa khoa   | 06 năm               | Thực hành KBCB đa khoa  | Khoa Chẩn đoán hình ảnh  |
| 41  | Hoàng Thị Liễu  | Cử nhân điều dưỡng     | 000445/LS-CCHN               | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV, ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. | 08 năm               | Thực hành các kỹ thuật điều dưỡng   | Khoa chẩn đoán hình ảnh  |
| <b>Tổng cộng: 41 cán bộ có thời gian công tác 3 năm trở lên đủ điều kiện hướng dẫn thực hành./.</b> |                 |                        |                              |  |                      |   |  |

**SỐ LƯỢNG NGƯỜI THỰC HÀNH CÓ THỂ TIẾP NHẬN THỰC HÀNH**  
( Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-TTYT, ngày /6/2024 của Trung tâm Y tế huyện Bắc Sơn)

| <b>TT</b> | <b>Đối tượng thực hành</b>                                | <b>Số lượng người thực hành</b> | <b>Ghi chú</b> |
|-----------|---|---------------------------------|----------------|
| <b>1</b>  | <b>Bác sĩ y khoa, Bác sĩ đa khoa, Y sĩ đa khoa</b>        | 10                              |                |
| <b>2</b>  | <b>Điều dưỡng (Trung cấp, Cao đẳng, Đại học)</b>          | 20                              |                |
| <b>3</b>  | <b>Hộ sinh (Trung cấp, Cao đẳng, Đại học)</b>             | 10                              |                |
| <b>4</b>  | <b>Kỹ thuật Xét nghiệm (Trung cấp, Cao đẳng, Đại học)</b> | 15                              |                |
| <b>5</b>  | <b>Kỹ thuật hình ảnh y học (Trung cấp)</b>                | 2                               |                |
|           | <b>Tổng cộng</b>  | <b>57</b>                       |                |